

Name: _____

For each of the following multiple choice questions, write the letter that corresponds with the best answer provided.

__ 1. 片

- A. zhào
C. mā

- B. gāo
D. pian4 , piān

__ 2. 高

- A. na4 , na3 , na1 , nèi
C. gāo

- B. ge4 , gě
D. tā

__ 3. 她

- A. de5 , de1 , di2 , dì
C. tā

- B. nán
D. tā

__ 4. 姐

- A. ge4 , gě
C. zhong1 , zhòng

- B. jiě
D. nán

__ 5. 谁

- A. jiě
C. shei2 , shuí

- B. zhè
D. gē

__ 6. 有

- A. dì
C. yǒu

- B. wén
D. nǚ

__ 7. 哥

- A. da4 , dài
C. nǚ

- B. pian4 , piān
D. gē

__ 8. 弟

- A. dì
C. bà

- B. zhè
D. ge4 , gě

__ 9. 中

- A. zhong1 , zhòng
C. ér

- B. de5 , de1 , di2 , dì
D. gāo

__ 10. 他

- A. tā
C. yǒu

- B. da4 , dài
D. zhè

__ 11. 大

- A. bà
C. da4 , dài

- B. ge4 , gě
D. nán

__ 12. 孩

- A. ér
C. gē

- B. zhong1 , zhòng
D. hái

Name: _____

- __ 13. 爸
A. bà
C. zhào
B. dì
D. yǒu
- __ 14. 没
A. jiě
C. zhong1, zhòng
B. yǒu
D. mei2, mò
- __ 15. 妈
A. pian4, piān
C. zi3, zi
B. mā
D. tā
- __ 16. 女
A. pian4, piān
C. bà
B. nǚ
D. gē
- __ 17. 这
A. da4, dài
C. zhè
B. mā
D. mei2, mò
- __ 18. 子
A. zi3, zi
C. zhào
B. de5, de1, di2, dì
D. tā
- __ 19. 个
A. ge4, gě
C. zhong1, zhòng
B. de5, de1, di2, dì
D. nǚ
- __ 20. 文
A. ér
C. wén
B. nǚ
D. tā
- __ 21. 的
A. de5, de1, di2, dì
C. ge4, gě
B. mèi
D. zhong1, zhòng
- __ 22. 儿
A. zhè
C. gē
B. zi3, zi
D. ér
- __ 23. 妹
A. ér
C. mèi
B. nǚ
D. tā
- __ 24. 那
A. jiě
C. na4, na3, na1, nài
B. bà
D. tā

Name: _____

__ 25. 男

- A. nǎ4 , nǎ3 , nǎ1 , nài
- C. zhōng1 , zhòng

- B. zhè
- D. nán

__ 26. 照

- A. gāo
- C. zhào

- B. měi2 , mò
- D. gē